

PHỤ LỤC 02:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo tổng kết Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 của Bộ TTTT)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các nhiệm vụ	Mục tiêu		Kết quả thực hiện		So sánh (%)	Ghi chú
		Quy mô	Kinh phí	Quy mô	Kinh phí		
	Chương trình thành phần I		3.413.700		21.484	0,63%	
1	Hỗ trợ đầu tư thiết lập hệ thống truyền dẫn băng rộng	34 xã	3.208.700	0	0		
2	Hỗ trợ đầu tư thiết lập mạng truy nhập băng rộng cố định.	607 xã		0	0		
3	Hỗ trợ đầu tư thiết lập mạng truy nhập băng rộng di động	34 xã		0	0		
4	Hỗ trợ thiết lập đường truyền quang kết nối từ đất liền đến trung tâm hành chính của các huyện đảo trên cơ sở hạ tầng cáp quang của EVN	05 đảo	5.000	4 đảo	7.953	159,06%	
5	Hỗ trợ triển khai các giải pháp tăng cường bảo đảm liên lạc an toàn, tin cậy trong thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông cho cộng đồng và chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp		100.000		0		
6	Hỗ trợ thiết lập đường truyền dẫn Viba số và vệ tinh ra đảo	50 đảo	100.000	50 đảo	13.531	13,53%	
	Chương trình thành phần II		104.900		93.723	89,34%	
7	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc và dịch vụ tìm kiếm cứu nạn hàng hải	8.000.000 phút	38.900	56.000 phút	32.655	83,95%	

STT	Các nhiệm vụ	Mục tiêu		Kết quả thực hiện		So sánh (%)	Ghi chú
		Quy mô	Kinh phí	Quy mô	Kinh phí		
8	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai		66.000		61.068	92,53%	
	Chương trình thành phần III		534.750		64.326	12,03%	
9	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định	20.000.000 phút	6.520	85.598 phút	724	11,10%	
10	vụ truy nhập Internet công cộng tại các xã có tỷ lệ hộ gia đình là thuê bao sử dụng dịch vụ truy nhập Internet cố định thấp và chưa có điểm	500 điểm	27.800	327 điểm	20.840	74,96%	
11	Hỗ trợ duy trì điểm truy nhập Internet công cộng	1000 điểm	31.880	547 điểm	18.497	58,02%	
12	Hỗ trợ Hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất trả sau hoặc dịch vụ thông tin di động mặt đất trả sau	500.000 thuê bao	462.950	00 thuê bao	21.291	4,60%	
13	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông di động hàng hải cho tàu thuyền đánh bắt hải sản trên biển qua hệ thống Đài Thông tin duyên hải hải	5,6 triệu phút	5.600	89.133 phút	2.975	53,12%	
	Chương trình thành phần IV		746.560		57.175	7,66%	
14	Hỗ trợ kết nối Internet băng rộng cho các trường học, bệnh viện, Ủy ban nhân dân cấp xã chưa được kết nối Internet băng rộng		0	0	0		
15	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định trả sau cho trường học, bệnh viện, Ủy ban nhân dân xã	34.000 thuê bao	384.830	00 thuê bao	57.085	14,83%	
16	Hỗ trợ sử dụng dịch vụ thuê kênh riêng cố định mặt đất	63 kênh	61.730	1	90	0,15%	

STT	Các nhiệm vụ	Mục tiêu		Kết quả thực hiện		So sánh (%)	Ghi chú
		Quy mô	Kinh phí	Quy mô	Kinh phí		
17	Hỗ trợ thiết lập công thông tin điện tử của UBND các cấp và dịch vụ công trực tuyến trên cổng phục vụ người dân, tập trung cho vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng biên giới, hải đảo		300.000		0		
	Chương trình thành phần V		1.817.000		1.136.670	62,56%	
18	Hỗ trợ đầu tư trang bị máy phát truyền hình số mặt đất để phát các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng biên giới, hải đảo				0		
19	Hỗ trợ thiết lập công thông tin điện tử và tổng đài hỗ trợ, tư vấn giải đáp thông tin về số hóa truyền hình		5.000		850	17,00%	
20	Hỗ trợ chi phí cung cấp dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình số qua vệ tinh VINASAT để phát chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu cho các khu vực miền núi, biên giới, hải đảo, các vùng lũng khó thu được tín hiệu truyền hình số mặt đất		100.000		0		
21	Hỗ trợ điều tra phương thức thu xem truyền hình và tuyên truyền về số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình		2.000		1.820	91,00%	
22	Hỗ trợ Hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu tư truyền hình số mặt đất	1.000.000 hộ	1.710.000	900.000 hộ	1.134.000	66,32%	